

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 16-7-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy
Ông Đỗ Minh Lắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lựa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Bé R, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn S, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021, nguyên đơn chị Lê Bé R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bé R và anh Lê Văn S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau ngày 10/7/2004. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, anh S không lo làm ăn và không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, không thể hàn gắn. Nay chị R yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn L (nam), sinh năm 1998 và Lê Thị Ngọc H (nữ), sinh năm 2000. Các con chung hiện nay đã trưởng thành nên chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Bé R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 25/6/2021, anh Lê Văn S trình bày: Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị R. Quá trình chung sống có 02 người con chung, hiện nay đã trưởng thành và đã lập gia đình. Đồng thời, anh S đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Bé R và anh Lê Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị R và anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Bé R và anh Lê Văn S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Cà Mau ngày 10/7/2004 đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị R và anh S được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Bé R, thấy rằng: Chị R và anh S xác định hiện nay vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau và thống nhất ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị R và anh S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Bé R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Bé R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị R, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Bé R với anh Lê Văn S.

- Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Bé R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị Lê Bé R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 10 tháng 5 năm 2021, chị Lê Bé R đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0010047 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Bé R và anh Lê Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út